

# PHÁP LUẬT CHUYÊN NGÀNH THỦY SẢN

MÃ MÔN HỌC: 206420

GIẢNG VIÊN: TS. NGUYỄN THẢO SƯƠNG

TUẦN 3: 2021 QUY CHẾ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN  
NGUỒN LỢI THỦY SẢN

**Điều 11. Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản**

**Điều 12. Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản**

**Điều 13. Bảo vệ nguồn lợi thủy sản**

**Điều 14. Tái tạo nguồn lợi thủy sản và phục hồi môi trường sống của loài thủy sản**

**Điều 15. Khu bảo tồn biển**

**Điều 16. Thành lập khu bảo tồn biển**

**Điều 17. Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản**

**Điều 18. Quản lý nguồn lợi thủy sản, hệ sinh thái thủy sinh trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ**

**Điều 19. Quản lý nguồn lợi thủy sản trong khu bảo tồn đất ngập nước**

**Điều 20. Nguồn tài chính bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản**

**Điều 21. Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản**

**Điều 22. Quỹ cộng đồng**

## **Điều 11. Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản**

**1. Căn cứ lập quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản bao gồm:**

- a) **Chiến lược** phát triển kinh tế - xã hội; quốc phòng, an ninh;
- b) **Chiến lược** phát triển ngành thủy sản;
- c) **Chiến lược** khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên biển và hải đảo, bảo vệ môi trường; chiến lược về bảo tồn đa dạng sinh học;
- d) **Quy hoạch** tổng thể quốc gia;
- đ) **Quy hoạch** không gian biển quốc gia;
- e) **Quy hoạch, kế hoạch** sử dụng đất;
- g) **Quy hoạch** bảo vệ môi trường; Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học;
- h) **Kết quả điều tra, đánh giá** nguồn lợi thủy sản;
- i) **Thực trạng và dự báo** nhu cầu khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản;
- k) **Căn cứ khác** theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Nội dung chủ yếu của quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản bao gồm:

- a) Đánh giá hiện trạng quản lý, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;
- b) Xác định mục tiêu, định hướng và xây dựng phương án tổng thể quản lý, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;
- c) Vị trí địa lý, diện tích, ranh giới và bản đồ khu vực dự kiến thành lập khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản;
- d) Phân vùng khai thác thủy sản; số lượng tàu cá của từng loại nghề; biện pháp quản lý, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;
- đ) Giải pháp, chương trình, kế hoạch thực hiện; nguồn lực, tổ chức thực hiện quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản;
- e) Nội dung khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

### 3. Lập, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản được quy định như sau:

- a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan tổ chức xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản;
- b) Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

## **Điều 12. Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản**

1. Mục đích điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản được quy định như sau:

- a) Cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở khoa học phục vụ công tác quản lý, sử dụng nguồn lợi thủy sản bền vững;
- b) Xác định trữ lượng, sản lượng cho phép khai thác, đánh giá sự biến động của nguồn lợi thủy sản, chất lượng môi trường sống của loài thủy sản.

2. Chương trình điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản bao gồm:

- a) Điều tra, đánh giá tổng thể nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản trên phạm vi cả nước định kỳ 05 năm;
- b) Điều tra, đánh giá nghề cá thương phẩm hằng năm;
- c) Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản theo chuyên đề.

### 3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm sau đây:

- a) Chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình điều tra, đánh giá tổng thể nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản trên phạm vi cả nước định kỳ 05 năm;
- b) Tổ chức điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản theo chuyên đề;
- c) Công bố kết quả điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản.

### 4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

- a) Tổ chức thực hiện điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản theo chuyên đề, nghề cá thương phẩm trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- b) Phối hợp điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

### 5. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy trình, hướng dẫn thực hiện điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản.

## **Điều 13. Bảo vệ nguồn lợi thủy sản**

**1. Đối tượng bảo vệ nguồn lợi thủy sản:** các loài thủy sản, môi trường sống, khu vực tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống, đường di cư của loài thủy sản.

**2. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm sau đây:**

**a) Bảo vệ, khai thác thủy sản theo quy định của Luật và quy định liên quan**

**b) Tạo đường di cư/ dành hành lang di chuyển** cho loài thủy sản khi xây dựng mới, thay đổi hoặc phá bỏ công trình hoặc có hoạt động liên quan đến đường di cư của loài thủy sản



c) **Dành hành lang cho loài thủy sản di chuyển** khi khai thác thủy sản bằng nghề cố định ở các sông, hồ, đầm, phá;

d) **Khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại do hành vi của mình gây ra** khi xả thải, thăm dò, khai thác tài nguyên, xây dựng, phá bỏ công trình dưới mặt nước, lòng đất dưới nước làm suy giảm hoặc mất đi nguồn lợi thủy sản hoặc gây tổn hại đến môi trường sống, khu vực tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống và đường di cư của loài thủy sản;

đ) **Tuân theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan** khi tiến hành hoạt động thủy sản hoặc có hoạt động ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống, đường di cư, sinh sản của loài thủy sản.

### 3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm sau đây:

- a) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tổ chức thực hiện chương trình quốc gia bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;
- b) Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; tiêu chí xác định loài, chế độ quản lý, bảo vệ và trình tự, thủ tục khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm;
- c) Xây dựng, ban hành kế hoạch và biện pháp quản lý nguồn lợi thủy sản;
- d) Tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập, thực hiện bảo tồn, lưu giữ giống gốc của loài thủy sản bản địa, loài thủy sản đặc hữu có giá trị kinh tế, loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm;
- đ) Công bố đường di cư tự nhiên của loài thủy sản.

4. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chí và ban hành Danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản; Danh mục khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn.

## 5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

- a) Quy định bổ sung nghề, ngư cụ, khu vực cấm khai thác chưa có tên trong danh mục quy định tại khoản 4 Điều này phù hợp với thực tế hoạt động bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản trên địa bàn, sau khi được sự đồng ý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- b) Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn phù hợp với chương trình quốc gia bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

## 5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

- a) Quy định bổ sung nghề, ngư cụ, khu vực cấm khai thác chưa có tên trong danh mục quy định tại khoản 4 Điều này phù hợp với thực tế hoạt động bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản trên địa bàn, sau khi được sự đồng ý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- b) Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn phù hợp với chương trình quốc gia bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

# **QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN**

## **Mục 1. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN**

### **Điều 6. Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản**

1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường sống của loài thủy sản mà **chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự** như sau:

a) Phạt tiền từ **5.000.000 đồng** đến **10.000.000 đồng** đối với hành vi không dành hành lang di chuyển cho loài thủy sản khi khai thác thủy sản bằng nghề cố định ở các sông, hồ, đầm, phá; không tạo đường di cư hoặc dành hành lang di chuyển cho loài thủy sản khi xây dựng mới, thay đổi hoặc phá bỏ công trình hoặc có hoạt động liên quan đến đường di cư của loài thủy sản; cản trở trái phép đường di cư tự nhiên của loài thủy sản

b) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi hủy hoại nguồn lợi thủy sản/hệ sinh thái thủy sinh/khu vực thủy sản tập trung sinh sản/ khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống; phá hoại nơi cư trú của loài thủy sản thuộc Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm hoặc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

c) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi lấn, chiếm hoặc gây hại khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

d) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi thăm dò, khai thác tài nguyên, xây dựng, phá bỏ công trình dưới mặt nước, lòng đất dưới nước làm suy giảm hoặc mất đi nguồn lợi thủy sản hoặc gây tổn hại đến môi trường sống, khu vực tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống, đường di cư của loài thủy sản.

## 2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

## 3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều này.



**NGHỊ ĐỊNH SỐ: 42/2019/NĐ-CP**

## **QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN**

### **Mục 1. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN**

**Điều 7. Vi phạm quy định về khu vực cấm khai thác thủy sản**

**Điều 8. Vi phạm quy định về quản lý các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm**

**Điều 9. Vi phạm quy định về quản lý khu bảo tồn biển**

THÔNG TƯ

HƯỚNG DẪN VỀ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỢI THỦY SẢN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về quy trình, hướng dẫn thực hiện điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản; trình tự, thủ tục lập, thẩm định dự án thành lập, nội dung quyết định thành lập khu bảo tồn biển cấp tỉnh; hướng dẫn quản lý khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; tiêu chí và ban hành Danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản; Danh mục khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn; đánh dấu ngư cụ đang sử dụng tại ngư trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, khai thác thủy sản trong nội địa, đảo, quần đảo và vùng biển Việt Nam.

Chương II

ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ NGUỒN LỢI THỦY SẢN VÀ MÔI TRƯỜNG SỐNG CỦA LOÀI THỦY SẢN

Điều 3. Quy trình điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản

Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản được thực hiện theo quy trình sau đây:

1. Thiết kế điều tra.

2. Chuẩn bị điều tra.

3. Thực hiện điều tra.

4. Phân tích kết quả điều tra.

5. Xử lý số liệu điều tra.

6. Báo cáo kết quả điều tra.

7. Lưu trữ kết quả điều tra.

PHỤ LỤC II

DANH MỤC NGHỀ, NGƯ CỤ CẤM SỬ DỤNG KHAI THÁC THỦY SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản

TT	Nghề, ngư cụ cấm	Phạm vi
1	Nghề lưới kéo (trừ lưới kéo moi/ruốc)	Vùng ven bờ
2	Nghề lồng xếp (lờ dây, bát quai, lờ, dớn...)	Vùng ven bờ; vùng nội địa
3	Nghề, ngư cụ kết hợp ánh sáng (trừ nghề câu tay mực)	Vùng ven bờ
4	Nghề đăng, đáy, te, xiệp, xích, xăm.	Vùng ven bờ; vùng nội địa

2. Ngư cụ cấm sử dụng khai thác nguồn lợi thủy sản ở biển có kích thước mắt lưới tại bộ phận tập trung cá nhỏ hơn kích thước quy định

TT	Tên loại ngư cụ	Kích thước mắt lưới quy định (2a (mm))
1	Rê trích	28
2	Rê thu ngư	90
3	Rê mòi	60
4	Vây, vó, mảnh, rút, rùng hoạt động ngoài vụ cá cơm	20
5	Các loại lưới đánh cá cơm	10
6	Lưới kéo cá:	
	- Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m đến dưới 15m	34
	- Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên	40
7	Lưới chụp	40

3. Ngư cụ cấm sử dụng khai thác nguồn lợi thủy sản ở vùng nội địa có kích thước mắt lưới tại bộ phận tập trung cá nhỏ hơn kích thước quy định

TT	Tên loại ngư cụ	Kích thước mắt lưới quy định (2a (mm))
----	-----------------	--

**PHỤ LỤC III**

DANH MỤC KHU VỰC CẤM KHAI THÁI THỦY SẢN CÓ THỜI HẠN  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Khu vực cấm	Tỉnh	Phạm vi/Tọa độ cấm	Thời gian cấm (Từ ngày- đến ngày)	Đối tượng chính được bảo vệ
1.	Vùng biển ven Đảo Cô Tô	Quảng Ninh	Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ: C1a: (20°59'00"N, 107°50'00"E) C1b: (21°08'00"N, 107°47'00"E) C1c: (20°09'00"N, 107°49'00"E) C1d: (21°03'00"N, 107°54'00"E)	01/4-30/6	Bào ngư chín lỗ ( <i>Haliotis diversicolor</i> ), họ san hô cành (Pocilloporidae), họ san hô lỗ đỉnh (Acroporidae), họ san hô khối (Poritidae), tôm he (Penaeidae), tôm gai (Palaemonidae), cá lượng (Nemipteridae), cá phèn (Mullidae), cá trích (Clupeidae), cá nhồng (Sphyraenidae), cá đục (Sillaginidae)
2.	Vùng biển Long Châu - Hạ Mai	Hải Phòng	Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ: C2a: (20°45'00"N, 107°11'00"E) C2b: (20°45'00"N, 107°25'00"E) C2c: (20°37'00"N, 107°25'00"E) C2d: (20°37'00"N, 107°11'00"E)	01/4-30/6; 01/11-30/11	Loài kinh tế thuộc họ cá phèn (Mullidae), cá tráp (Sparidae), cá lượng (Nemipteridae), cá trích (Clupeidae), cá khế (Carangidae), cá nhồng (Sphyraenidae), cá đục (Sillaginidae), cá đối (Mugilidae), tôm he (Penaeidae)
3.	Vùng biển Tây Nam Long Châu	Hải Phòng	Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ: C3a: (20°34'00"N, 106°57'00"E) C3b: (20°34'00"N, 107°03'00"E) C3c: (20°30'00"N, 107°03'00"E)	01/4-30/6; 01/11-30/11	Loài cá kinh tế thuộc họ cá phèn (Mullidae), cá tráp (Priacanthidae), cá trích (Clupeidae), cá nhồng (Sillaginidae), cá sạo (Haemulidae), tôm he (Penaeidae)

24.	Vùng ven biển Vũng Tàu	Vũng Tàu	Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ: C11a: (10°17'50"N, 107°02'30"E) C11b: (10°17'50"N, 107°13'50"E) C11c: (10°09'00"N, 107°13'50"E) C11d: (10°09'00"N, 107°02'30"E)	01/11-30/11	Tôm he (Penaeidae), tôm gai (Palaemonidae), tôm kính (Pasiphaeidae), cá đù (Sciaenidae), cá cẵng (Terapontidae), cá đối (Mugilidae), cá lượng (Nemipteridae), cá trích (Clupeidae), cá trổng (Engraulidae)
25.	Cửa sông Định An và Trần Đề	Trà Vinh, Sóc Trăng	Giới hạn từ đường thẳng đi qua điểm A có tọa độ: 09°35'06"N, 106°19'18"E và điểm B có tọa độ: 9°29'32"N, 106°15'30"E đến đường giới hạn cửa sông do tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng công bố	01/4-30/6	Cá chấy nam ( <i>Tenualosa thibaudeaui</i> ), cá chấy bẹ ( <i>Tenualosa toil</i> ), cá duồng ( <i>Cirrhinus microlepis</i> ), cá ét mọi ( <i>Morulus chrysophekadion</i> ), cá tra dầu ( <i>Pangasianodon gigas</i> )
26.	Vùng ven biển Vĩnh Châu	Sóc Trăng	Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ: C12a: (9°20'20"N, 106°08'37"E) C12b: (9°17'45"N, 106°10'25"E) C12c: (9°12'45"N, 105°57'20"E) C12d: (9°16'45"N, 105°55'45"E)	01/8-30/8 01/11-30/11	Cá đù (Sciaenidae), cá cẵng (Terapontidae), cá khế (Carangidae), cá trích (Clupeidae), cá trổng (Engraulidae), cá bống (Gobbidae), tôm he (Penaeidae), tôm gai (Palaemonidae)
27.	Vùng ven biển Đông Hải	Bạc Liêu	Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ: C13a: (9°09'45"N, 105°38'10"E) C13b: (9°05'00"N, 105°40'45"E) C13c: (9°01'45"N, 105°34'00"E) C13d: (9°06'40"N, 105°31'15"E)	01/4-30/6	Cá đù (Sciaenidae), cá đối (Mugilidae), cá lượng (Nemipteridae), cá đục (Sillaginidae), cá bơn (Cynoglossidae), cá trổng (Engraulidae), cá trích (Clupeidae), tôm he (Penaeidae), tôm kính (Pasiphaeidae)

## **Điều 14. Tái tạo nguồn lợi thủy sản và phục hồi môi trường sống của loài thủy sản**

**1. Hoạt động tái tạo nguồn lợi thủy sản và phục hồi môi trường sống của loài thủy sản bao gồm:**

- a) Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong tái tạo nguồn lợi thủy sản, phục hồi môi trường sống của loài thủy sản;
- b) Thả bổ sung loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học; loài thủy sản bản địa; loài thủy sản đặc hữu vào vùng nước tự nhiên;
- c) Hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học; loài thủy sản bản địa; loài thủy sản đặc hữu;
- d) Quản lý khu vực, loài thủy sản được tái tạo, phục hồi.

**2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** quản lý, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát hoạt động tái tạo nguồn lợi thủy sản và phục hồi môi trường sống của loài thủy sản trên phạm vi cả nước.

**3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh** tổ chức thực hiện hoạt động tái tạo nguồn lợi thủy sản và phục hồi môi trường sống của loài thủy sản trên địa bàn.

4. Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tái tạo nguồn lợi thủy sản và phục hồi môi trường sống của loài thủy sản.





Thả 30 vạn con tôm sú giống xuống khu vực phá Tam Giang, gần cửa biển Thuận An (Thừa Thiên- Huế)

## **Điều 15. Khu bảo tồn biển**

1. Khu bảo tồn biển bao gồm **vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan**. Việc phân cấp khu bảo tồn biển thực hiện theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học.

2. Tiêu chí xác lập khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo vệ cảnh quan thực hiện theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học.

STT	Tên gọi khu bảo tồn biển/tỉnh	Tổng diện tích (ha)	Trong đó diện tích biển (ha)
1	Đảo Trần/Quảng Ninh	4.200	3900
2	Cô Tô/Quảng Ninh	7.850	4000
3	Bạch Long Vĩ/Hải Phòng	20.700	10.900
4	Cát Bà/Hải Phòng	20.700	10.900
5	Hòn Mê/Thanh Hóa	6.700	6200
6	Cồn Cỏ/Quảng Trị	2.490	2.140
7	Hải Vân - Sơn Chà/Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng	17.039	7.626
8	Cù Lao Chàm/Quảng Nam	8.265	6.716
9	Lý Sơn/Quảng Ngãi	7.925	7.113
10	Nam Yết/Khánh Hòa	35.000	20.000
11	Vịnh Nha Trang/Khánh Hòa	15.000	12.000
12	Núi Chúa/Ninh Thuận	29.865	7.352
13	Phú Quý/Bình Thuận	18.980	16.680
14	Hòn Cau/Bình Thuận	12.500	12.390
15	Côn Đảo/Bà Rịa - Vũng Tàu	29.400	23.000
16	Phú Quốc/Kiên Giang	33.657	18.700



### 3. Tiêu chí xác lập vườn quốc gia bao gồm:

- a) Có hệ sinh thái biến quan trọng đối với quốc gia, quốc tế, đặc thù hoặc đại diện cho một vùng sinh thái tự nhiên;
- b) Là nơi sinh sống tự nhiên thường xuyên hoặc theo mùa của ít nhất một loài thủy sản thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc thuộc nhóm loài thủy sản cấm khai thác trong Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm;
- c) Có giá trị đặc biệt về khoa học, giáo dục;
- d) Có cảnh quan môi trường, nét đẹp độc đáo của tự nhiên, có giá trị du lịch sinh thái.

Vùng	Tên vườn	Năm thành lập	Diện tích (ha)	Địa điểm
<u>Nam Trung Bộ</u>	<u>Phước Bình</u>	2006	19.814	<u>Ninh Thuận</u>
	<u>Núi Chúa</u>	2003	29.865	<u>Ninh Thuận</u>
<u>Đông Nam Bộ</u>	<u>Cát Tiên</u>	1992	73.878	<u>Đồng Nai, Lâm Đồng, Bình Phước</u>
	<u>Bù Gia Mập</u>	2002	26.032	<u>Bình Phước</u>
	<u>Lò Gò - Xa Mát</u>	2002	18.765	<u>Tây Ninh</u>
	<u>Côn Đảo</u>	1993	15.043	<u>Bà Rịa - Vũng Tàu</u>
<u>Tây Nam Bộ</u>	<u>Tràm Chim</u>	1994	7.588	<u>Đồng Tháp</u>
	<u>Mũi Cà Mau</u>	2003	41.862	<u>Cà Mau</u>
	<u>U Minh Hạ</u>	2006	8.286	<u>Cà Mau</u>
	<u>U Minh Thượng</u>	2002	8.053	<u>Kiên Giang</u>
	<u>Phú Quốc</u>	2001	31.422	<u>Kiên Giang</u>

#### 4. Tiêu chí xác lập khu bảo tồn loài - sinh cảnh bao gồm:

- a) Khu bảo tồn loài - sinh cảnh cấp quốc gia là nơi sinh sống tự nhiên thường xuyên hoặc theo mùa của ít nhất một loài thủy sản thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc thuộc nhóm loài thủy sản cấm khai thác trong Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; có giá trị đặc biệt về khoa học, giáo dục;
- b) Khu bảo tồn loài - sinh cảnh cấp tỉnh là nơi sinh sống tự nhiên thường xuyên hoặc theo mùa của ít nhất một loài thủy sản đặc hữu hoặc loài thủy sản bản địa có giá trị đặc biệt về khoa học, kinh tế; có giá trị đặc biệt về sinh thái, môi trường.

## Điều 16. Thành lập khu bảo tồn biển

1. Việc thành lập khu bảo tồn biển cấp quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học.
2. Bộ trưởng Bộ NN& PTNT quy định trình tự, thủ tục lập, thẩm định dự án thành lập, nội dung quyết định thành lập khu bảo tồn biển cấp tỉnh.
3. Trách nhiệm trình dự án thành lập khu bảo tồn biển cấp quốc gia như sau:
  - a) Bộ NN& PTNT trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập khu bảo tồn biển có diện tích thuộc địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên;
  - b) UBND cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập khu bảo tồn biển có diện tích thuộc địa bàn quản lý sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ NN& PTNT .
4. Bộ NN& PTNT xây dựng, trình Chính phủ ban hành quy chế quản lý khu bảo tồn biển; hằng năm gửi báo cáo về công tác quản lý bảo tồn biển đến Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **Điều 17. Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản**

1. Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản là nơi cư trú, tập trung sinh sản, nơi thủy sản còn non tập trung sinh sống thường xuyên hoặc theo mùa của ít nhất một loài thủy sản thuộc Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm hoặc loài thủy sản bản địa hoặc loài thủy sản di cư xuyên biên giới.
2. Việc điều tra, xác định khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản được quy định như sau:
  - a) Bộ NN& PTNT tổ chức điều tra, xác định, ban hành danh mục khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên phạm vi cả nước;
  - b) UBND cấp tỉnh tổ chức điều tra, xác định bổ sung khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn, báo cáo Bộ NN& PTNT xem xét, bổ sung danh mục khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức quản lý khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn.

4. Bộ trưởng Bộ NN& PTNT hướng dẫn về quản lý khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản.



TRANG CHỦ CÔNG DÂN DOANH NGHIỆP DU KHÁCH CHÍNH QUYỀN



Từ khóa...



Thứ Sáu, 02-10-2020

## THÔNG BÁO

### Thành lập Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản Hòn Núi Quện

Cập nhật:13/07/2020 10:23:25 SA



Ngày 11/7/2020, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1673/QĐ-UBND về việc thành lập Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản Hòn Núi Quện nhằm tăng cường công tác bảo vệ nơi cư trú, tập trung sinh sản, bãi giống, bãi đẻ thủy sản và tổ chức khai thác, sử dụng chung bền vững nguồn lợi thủy sản.

Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản Hòn Núi Quện có diện tích 987 ha mặt nước tự nhiên đầm phá thuộc địa giới hành chính xã Lộc Bình, huyện Phú Lộc (trước đây là vùng đã được UBND huyện Phú Lộc giao quyền khai thác thủy sản vùng đầm phá cho Chi hội nghề cá Lộc Bình 1, xã Lộc Bình theo Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 08/3/2010), gồm 2 vùng: Vùng lõi bảo vệ có diện tích 40 ha (trước đây là Khu bảo vệ thủy sản Hòn Núi Quện đã được thành lập theo Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 19/5/2011 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế) và Vùng khai thác, sử dụng chung có diện tích 947 ha là khu vực còn lại của Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, sau khi trừ đi 40 ha vùng lõi bảo vệ.

Bên cạnh việc nghiêm cấm hoàn toàn các hoạt động kinh tế làm ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản tự nhiên và môi trường thủy sinh, bao gồm: Khai thác thủy sản (động vật và thực vật thủy sinh); Nuôi trồng thủy sản (động vật và thực vật thủy sinh); Xây dựng các công trình sản xuất (bao gồm cả công trình nhà ở); Chăn thả gia súc, gia cầm vào vùng lõi bảo vệ; Quyết định nêu rõ các hoạt động có điều kiện: Hoạt động khai thác thủy sản để nghiên cứu khoa học và hoạt động tiêu diệt thủy sản địch họa trong vùng lõi bảo vệ phải được sự chấp thuận của Chi cục Thủy sản theo quy định của pháp luật; Hoạt động giao thông thủy được phép qua lại vô hại nhưng không được dừng tàu thuyền trong vùng lõi bảo vệ; Hoạt động du lịch sinh thái được phép khi có sự giám sát của cộng đồng ngư dân địa phương.

Ngoài ra, Quyết định cũng quy định rõ các hoạt động trong vùng khai thác, sử dụng chung: Điều tra, nghiên cứu khoa học về loài thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản; Khai thác thủy sản, nuôi trồng thủy sản, du lịch giải trí gắn với hoạt động thủy sản theo quy định của pháp luật; Tuân tra, kiểm soát việc thực thi pháp luật.

[www.thuathienhue.gov.vn](http://www.thuathienhue.gov.vn)

[ Bản in ]



## **Điều 18. Quản lý nguồn lợi thủy sản, hệ sinh thái thủy sinh trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ**

**1. Tổ chức quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ có trách nhiệm :**

- a) Xây dựng nội dung về bảo vệ, bảo tồn nguồn lợi thủy sản, hệ sinh thái thủy sinh trong kế hoạch quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ;
- b) Thực hiện chế độ quản lý nguồn lợi thủy sản, hệ sinh thái thủy sinh trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- c) Bố trí người có chuyên môn về thủy sản làm công tác quản lý nguồn lợi thủy sản và hệ sinh thái thủy sinh.



d) Đánh giá hiện trạng nguồn lợi thủy sản, hệ sinh thái thủy sinh trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, thực hiện bảo tồn nguồn lợi thủy sản, hệ sinh thái thủy sinh;

đ) Báo cáo hằng năm hoặc đột xuất về công tác quản lý nguồn lợi thủy sản và hệ sinh thái thủy sinh cho cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản.

**2. Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản** có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý nguồn lợi thủy sản và hệ sinh thái thủy sinh trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

## **Điều 19. Quản lý nguồn lợi thủy sản trong khu bảo tồn đất ngập nước**

1. Cơ quan lập dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước có nguồn lợi thủy sản phải lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ NN& PTNT
2. Tổ chức quản lý khu bảo tồn đất ngập nước có trách nhiệm sau đây:
  - a) Xây dựng nội dung về bảo vệ, bảo tồn nguồn lợi thủy sản trong kế hoạch quản lý khu bảo tồn đất ngập nước;
  - b) Thực hiện chế độ quản lý nguồn lợi thủy sản trong khu bảo tồn đất ngập nước theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Bố trí người có chuyên môn về thủy sản làm công tác quản lý nguồn lợi thủy sản;

d) Đánh giá hiện trạng nguồn lợi thủy sản trong khu bảo tồn đất ngập nước;

đ) Báo cáo hằng năm hoặc đột xuất về công tác quản lý nguồn lợi thủy sản cho cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý nguồn lợi thủy sản trong khu bảo tồn đất ngập nước.

## **Điều 20. Nguồn tài chính bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản**

1. Ngân sách nhà nước.
2. Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.
3. Quỹ cộng đồng.
4. Các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 21. Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản**

**1. Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản** là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, được thành lập ở trung ương và cấp tỉnh để huy động các nguồn lực của xã hội cho công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

**2. Thẩm quyền thành lập quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản được quy định như sau:**

a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thành lập quỹ ở trung ương;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập quỹ ở cấp tỉnh căn cứ nhu cầu và nguồn lực huy động của địa phương.

### 3. Nguyên tắc hoạt động của quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản được quy định như sau:

- a) Hoạt động không vì mục đích lợi nhuận;
- b) Hỗ trợ cho các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư;
- c) Bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Nguồn tài chính hình thành quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản được quy định như sau:

- a) Tiền đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân làm ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản, môi trường sống, khu vực tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống và đường di cư của loài thủy sản;
- b) Tài trợ, từ thiện, vốn nhận ủy thác của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;
- c) Các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

5. Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức; cơ chế hoạt động, quản lý, sử dụng tài chính của quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi TS

## **Điều 22. Quỹ cộng đồng**

1. Quỹ cộng đồng là quỹ xã hội được thành lập để hỗ trợ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; Nhà nước khuyến khích thành lập quỹ cộng đồng.
2. Quỹ cộng đồng được tiếp nhận hỗ trợ từ quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản và các nguồn tài chính hợp pháp khác.
3. Tổ chức và hoạt động của quỹ cộng đồng thực hiện theo quy định của pháp luật về quỹ.